TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2018
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vân Hương**
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu**- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ L số 555/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 145/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976
Địa chỉ: 150 TVD,P13,QTB, Tp. Hồ Chí Minh
Bị đơn: Ông Vũ Văn V, sinh năm: 1969
Địa chỉ: 7B203 tổ 10, ấp 7, xã PVH,HBC, Tp. Hồ Chí Minh

(bà L và ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 05/5/2017 và bản tự khai bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Vũ Văn V chung sống với nhau từ năm 1999. Do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, không có gì xảy ra. Tuy nhiên thì vào năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông T có những hành vi vũ phu, đánh đập tôi, vợ chồng không tìm được Tg nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông Vũ Văn V không quan tâm đến cuộc sống gia đình, bà và ông T đã ly thân từ năm 2017. Bà L đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm cảm gia đình nhưng vẫn không được.

Nay cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Văn V.

Về con chung: Bà L và ông Vũ Văn V có 02 con chung tên Vũ Nguyên C, sinh ngày: 12/02/2000 và Vũ Nguyễn M L, sinh ngày: 29/11/2002. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 trẻ C và trẻ L và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà L xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 26/7/2017 bị đơn ông Vũ Văn V trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L sống chung từ năm 1999, Do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc , đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày nhưng chưa có mâu thuẫn gì lớn. Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà L thì ông không đồng ý, ông mong muốn được đoàn tụ để cùng chăm lo cho các con.

Về con chung có 02 con chung tên Vũ Nguyên C, sinh ngày: 12/02/2000 và Vũ Nguyễn M L, sinh ngày: 29/11/2002, nếu Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn thì ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 trẻ và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ L vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.Viện kiểm sát nhân nhân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Vũ Văn V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L nộp đơn xin ly hôn đối với ông Vũ Văn V. Ông Vũ Văn V hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Vũ Văn V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án T hành xét xử vắng mặt ông Vũ Văn V theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án T hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã T hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Vũ Văn V đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn V nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Vũ Văn V tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Vũ Văn V phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã QH,HQl,TNA cấp ngày 20/02/1999 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn V là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông T không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Tại công văn xác minh tình trạng hôn nhân gia đình của Hội liên hiệp phụ nữ -Ủy ban nhân dân xã Lê Minh Xuân thì ông T và bà L có cãi vã nhau, có vài lần ông T đánh bà L, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T có tính gia trưởng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà L thì giữa bà và ông T bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa ông T cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L với ông Vũ Văn V.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn V có 02 con chung tên Vũ Nguyên C, sinh ngày: 12/02/2000 và Vũ Nguyễn M L, sinh ngày: 29/11/2002. Sau khi ly hôn, bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện cả 02 trẻ đang sống chung với bà L, đồng thời tại biên bản lấy lời khai trẻ C và trẻ L thì nếu ba mẹ không còn chung sống với nhau nữa thì cả 02 trẻ muốn được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Vũ Nguyên C, sinh ngày: 12/02/2000 và Vũ Nguyễn M L, sinh ngày: 29/11/2002 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L xác nhận không có.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 203, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84,116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L với ông Vũ Văn V.

Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Vũ Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã QH,HQl,TNA cấp ngày 20/02/1999 không còn giá trị pháp L.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn V có 02 con chung tên Vũ Nguyên C, sinh ngày: 12/02/2000 và Vũ Nguyễn M L, sinh ngày: 29/11/2002. Giao trẻ C và trẻ L cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0033336 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Vân Hương

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- THADS huyện BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.